

Số: /KH-UBND

Đồng Tháp, ngày tháng năm 2026

## KẾ HOẠCH

### Thực hiện công tác giảm nghèo bền vững giai đoạn 2026 - 2030 và năm 2026 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

Căn cứ Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035;

Căn cứ Nghị quyết số 424/NQ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035; Nghị định số 351/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2026 - 2030; Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 417/QĐ-BNNMT ngày 31 tháng 01 năm 2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030;

Căn cứ các Chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, gồm: Chương trình hành động số 03-CTr/TU ngày 14 tháng 10 năm 2025 về thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030; Chương trình hành động số 14-CTr/TU ngày 30 tháng 12 năm 2025 về lãnh đạo thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế "hai con số" giai đoạn 2026 - 2030 và tiếp tục tăng trưởng nhanh, bền vững đến năm 2045; Nghị quyết số 116/NQ-HĐND ngày 23 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Đồng Tháp 5 năm (2026 - 2030);

Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp ban hành Kế hoạch thực hiện công tác giảm nghèo bền vững giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh (sau đây gọi tắt là *Kế hoạch*), cụ thể như sau:

## I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

### 1. Mục đích

Cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp; xác định rõ nội dung công việc, trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị, địa phương và lộ trình thực hiện nhằm tổ chức triển khai đồng bộ, thống nhất, hiệu quả Kế hoạch trong giai đoạn 2026 -

2030, bảo đảm hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ đề ra tại Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030.

## **2. Yêu cầu**

Tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch nghiêm túc, đồng bộ, thống nhất, bám sát mục tiêu, nhiệm vụ được giao; phù hợp với tình hình thực tế; bảo đảm tiến độ, chất lượng, hiệu quả và tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan chủ động xây dựng kế hoạch giai đoạn và hàng năm, tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực, phạm vi quản lý; bảo đảm kịp thời, hiệu quả, tránh chồng chéo, trùng lặp.

Chủ động lồng ghép, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để thực hiện Kế hoạch; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện; thực hiện đầy đủ chế độ thông tin, báo cáo theo quy định.

## **II. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN**

### **1. Mục tiêu**

#### **1.1. Mục tiêu tổng quát**

Thực hiện hiệu quả mục tiêu giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững; thu hẹp dần khoảng cách về mức sống giữa các địa phương; hạn chế tái nghèo và phát sinh hộ nghèo mới; hỗ trợ người nghèo vượt lên mức sống tối thiểu, tiếp cận đầy đủ các dịch vụ xã hội cơ bản, gồm: việc làm, giáo dục, y tế, nhà ở, nước sạch và vệ sinh, tiếp cận thông tin.

Nâng cao chất lượng cuộc sống, cải thiện điều kiện sống của người nghèo; gắn mục tiêu giảm nghèo với thực hiện các tiêu chí xây dựng nông thôn mới và các chính sách an sinh xã hội; tạo điều kiện thuận lợi để hộ nghèo phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập, từng bước vươn lên thoát nghèo bền vững.

#### **1.2. Mục tiêu cụ thể**

##### **1.2.1. Năm 2026**

Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2026 - 2030 giảm còn 0,56% (*giảm 0,14% so với năm 2025*).

##### **1.2.2. Giai đoạn 2026 - 2030**

Phấn đấu đến năm 2030 tỉnh không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2026 - 2030.

Hỗ trợ xây dựng và triển khai các mô hình, dự án giảm nghèo gắn với phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, du lịch, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh theo nhu cầu thực tế của địa phương, nhằm tạo sinh kế, việc làm, thu nhập bền vững cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, thích ứng với biến đổi khí hậu và dịch bệnh.

Phần đầu có ít nhất 80% người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo có khả năng lao động và có nhu cầu được hỗ trợ nâng cao năng lực sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản và các ngành nghề phù hợp nhằm đổi mới phương thức, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, nâng cao thu nhập.

100% người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo có nhu cầu được hỗ trợ kết nối, tư vấn, định hướng nghề nghiệp, cung cấp thông tin thị trường lao động và hỗ trợ tìm kiếm việc làm.

100% hộ nghèo, hộ cận nghèo có nhu cầu và đủ điều kiện được tiếp cận nguồn vốn tín dụng ưu đãi để phát triển sản xuất, kinh doanh theo quy định.

100% học sinh, sinh viên thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo được thụ hưởng chính sách miễn, giảm học phí và các chính sách hỗ trợ học tập theo quy định.

100% người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ cấp thẻ bảo hiểm y tế theo quy định.

Cải thiện tình trạng dinh dưỡng, giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi; nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe, thể trạng và tầm vóc trẻ em từ 0 đến 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo.

Hỗ trợ nhà ở cho 100% hộ nghèo, hộ cận nghèo có nhu cầu và đủ điều kiện theo quy định của Chính phủ, bảo đảm có nhà ở an toàn, ổn định, có khả năng chống chịu với tác động của thiên tai, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống và giảm nghèo bền vững.

Phần đầu có 99% hộ nghèo, hộ cận nghèo được sử dụng nước sạch sinh hoạt; ít nhất 85% hộ nghèo, hộ cận nghèo sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh.

100% người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo có nhu cầu được trợ giúp pháp lý miễn phí theo quy định.

Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách an sinh xã hội, phúc lợi xã hội nhằm cải thiện đời sống vật chất và tinh thần cho các đối tượng thuộc diện bảo trợ xã hội.

100% cán bộ làm công tác giảm nghèo các cấp được bồi dưỡng, tập huấn, nâng cao kiến thức, kỹ năng về quản lý, tổ chức thực hiện chương trình, chính sách, dự án giảm nghèo; kỹ năng lập kế hoạch có sự tham gia, xây dựng kế hoạch phát triển cộng đồng và nghiệp vụ chuyên môn về giảm nghèo.

### ***1.2.3. Lộ trình giảm nghèo đến năm 2030***

Lộ trình thực hiện phần đầu giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân khoảng 0,18%/năm, bảo đảm hoàn thành mục tiêu không còn hộ nghèo vào năm 2029 và duy trì kết quả đến năm 2030, cụ thể như sau:

- Năm 2026: Tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 0,56%, tương ứng còn 5.357 hộ (*giảm 0,14%, tương ứng giảm 1.341 hộ; cao hơn mức giảm 0,12% theo chỉ tiêu Nghị quyết đề ra*).

- Năm 2027: Tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 0,36%, tương ứng còn 3.450 hộ (*giảm 1.907 hộ*).

- Năm 2028: Tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 0,16%, tương ứng còn 1.538 hộ (*giảm 1.912 hộ*).

- Năm 2029: Tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 0%, hoàn thành mục tiêu không còn hộ nghèo (*giảm 1.538 hộ*).

- Năm 2030: Tiếp tục duy trì tỷ lệ hộ nghèo ở mức 0%, bảo đảm không phát sinh hộ nghèo mới.

*(Kèm theo Phụ lục lộ trình giảm nghèo chi tiết đến từng xã, phường)*

## **2. Các nội dung thực hiện**

Hỗ trợ đa dạng hóa sinh kế, xây dựng, phát triển các mô hình giảm nghèo, dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh nhằm tạo việc làm, sinh kế bền vững, có thu nhập tốt, nâng cao chất lượng cuộc sống và thích ứng với biến đổi khí hậu, dịch bệnh cho người nghèo; góp phần thực hiện mục tiêu chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động.

Hỗ trợ đào tạo nghề cho người nghèo, gắn kết chặt chẽ giáo dục nghề nghiệp với tạo việc làm, sinh kế bền vững, tăng thu nhập và nâng cao chất lượng cuộc sống.

Hỗ trợ phát triển thị trường lao động, hệ thống thông tin thị trường lao động theo hướng hiện đại, linh hoạt, đồng bộ, nhất là khu vực nông thôn, kết nối theo địa bàn cấp tỉnh, vùng và toàn quốc. Đẩy mạnh các hoạt động giao dịch việc làm, kết nối cung - cầu lao động tại chỗ, trong tỉnh và ngoài tỉnh. Hỗ trợ tạo việc làm, chuyển đổi việc làm theo hướng bền vững tại khu vực nông thôn. Tập trung, ưu tiên lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người lao động trên địa bàn các xã an toàn khu, biên giới và xã đảo; lao động là người khuyết tật, phụ nữ và lao động cao tuổi.

Hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo sử dụng dịch vụ viễn thông, tiếp cận thông tin, giảm nghèo về thông tin. Nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống thông tin cơ sở, phục vụ tốt cho công tác thông tin, tuyên truyền và quản lý, điều hành tại địa phương. Tăng cường thông tin, tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin thiết yếu cho xã hội, bao gồm thông tin về kiến thức, kỹ năng, mô hình, kinh nghiệm lao động, sản xuất, kinh doanh; truyền thông nâng cao nhận thức, trách nhiệm của toàn xã hội, của người nghèo về công tác giảm nghèo, đảm bảo an sinh xã hội bền vững.

Tăng cường truyền thông, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của toàn xã hội về công tác giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững nhằm khơi dậy tinh thần tự lực, tự cường vươn lên thoát nghèo của người dân và cộng đồng; nâng cao khả năng tiếp cận và thụ hưởng trợ giúp pháp lý, huy động nguồn lực để thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững; tuyên truyền các gương điển hình, sáng kiến, mô hình tốt về giảm nghèo để thúc đẩy, nhân rộng và lan tỏa trong xã hội.

Nâng cao nhận thức, tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật và thụ hưởng dịch vụ trợ giúp pháp lý, hỗ trợ pháp lý, biện pháp bảo đảm, đăng ký biện pháp bảo đảm, bồi thường của Nhà nước cho người dân; tăng cường phổ biến, giáo dục pháp luật và hòa giải cơ sở, nhằm nâng cao ý thức thượng tôn Hiến pháp, pháp luật, xây dựng nếp sống và hành vi ứng xử theo pháp luật trong cộng đồng dân cư nông thôn, giải quyết tốt các mâu thuẫn, tranh chấp ở khu vực nông thôn, tập trung, ưu tiên người dân thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, nhóm dễ bị tổn thương, người dân tại các xã an toàn khu, biên giới và xã đảo.

Triển khai các phong trào thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững.

Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình ở các cấp; thực hiện hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý Chương trình. Rà soát, đánh giá hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm.

### **III. DỰ KIẾN LỘ TRÌNH THỰC HIỆN**

#### **1. Năm 2026**

Tập trung triển khai đồng bộ các giải pháp giảm nghèo nhằm đạt mục tiêu giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống còn 0,56% (giảm 0,14% so với đầu năm); đồng thời, tổ chức rà soát, đánh giá thực trạng hộ nghèo, hộ cận nghèo; phân loại theo nhóm đối tượng, xác định nguyên nhân nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2026 - 2030, làm cơ sở đề xuất, xây dựng và hoàn thiện các cơ chế, chính sách hỗ trợ phù hợp, bảo đảm hộ nghèo, hộ cận nghèo thoát nghèo bền vững.

Các nhiệm vụ trọng tâm thực hiện trong năm 2026, gồm:

- Kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2026. Thời gian thực hiện trong tháng 9/2026.

- Rà soát, xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2026 (theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022 - 2025) trên địa bàn tỉnh. Thời gian thực hiện từ tháng 9 - 12/2026.

- Quyết định phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2026 trên địa bàn tỉnh. Thời gian thực hiện trong tháng 12/2026.

#### **2. Giai đoạn 2027 - 2030**

Tập trung triển khai đồng bộ, hiệu quả các giải pháp nhằm hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu và lộ trình giảm nghèo theo Kế hoạch; bảo đảm hoàn thành mục tiêu không còn hộ nghèo vào năm 2029 và duy trì kết quả đến năm 2030.

Các nhiệm vụ trọng tâm, gồm:

- Ban hành và tổ chức thực hiện Kế hoạch hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo nâng cao thu nhập, cải thiện khả năng tiếp cận và sử dụng hiệu quả các dịch vụ xã hội cơ bản: Tháng 01 hằng năm.

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh: Thời gian thực hiện từ tháng 7 đến tháng 12 hằng năm.

- Tổ chức sơ kết, đánh giá kết quả thực hiện hằng năm; kịp thời điều chỉnh, bổ sung giải pháp phù hợp với tình hình thực tế.
- Tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch giai đoạn 2026 - 2030; đề xuất phương hướng, nhiệm vụ và xây dựng Kế hoạch giai đoạn 2031 - 2035: Năm 2030.

#### **IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

Căn cứ Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 – 2030, Kế hoạch đầu tư công năm 2026 tỉnh Đồng Tháp được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua; Cơ cấu vốn ngân sách nhà nước bố trí cho Chương trình giai đoạn 2026 - 2030 theo Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội về phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình và Quyết định số 417/QĐ-BNNMT ngày 31/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về phê duyệt Chương trình Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030;

Nguồn kinh phí thực hiện công tác giảm nghèo bền vững giai đoạn 2026 - 2030 bao gồm: Vốn ngân sách trung ương; Vốn ngân sách địa phương (tỉnh, xã); Vốn tín dụng chính sách (ngân sách nhà nước); Vốn lồng ghép từ các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, dự án khác và vốn doanh nghiệp và huy động đóng góp của cộng đồng và người dân (*được lồng ghép thực hiện theo Kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp*).

#### **V. CÁC GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM**

##### **1. Giải pháp thực hiện trong năm 2026**

Để tạo chuyển biến rõ rệt về công tác giảm nghèo, trong năm 2026, tập trung thực hiện 05 giải pháp đột phá như sau:

- Rà soát và tổ chức sinh kế theo nhóm hộ: Trên cơ sở rà soát, phân loại hộ nghèo theo khả năng lao động và điều kiện sinh kế, các địa phương cần tổ chức hộ nghèo tham gia các cụm sinh kế theo nhóm hộ hoặc tổ hợp tác, gắn với một ngành nghề hoặc sản phẩm cụ thể, qua đó tạo quy mô sản xuất, thuận lợi trong chuyển giao kỹ thuật, hỗ trợ đầu vào và đặc biệt là liên kết tiêu thụ, giúp hộ nghèo từng bước nâng cao thu nhập và thoát nghèo bền vững.

- Tổ chức sinh kế gắn với thị trường, mỗi địa phương lựa chọn một số mô hình chủ lực phù hợp điều kiện địa bàn, triển khai theo nhóm hộ để tạo quy mô sản xuất và thuận lợi trong liên kết tiêu thụ.

- Phát huy vai trò của hợp tác xã và liên kết chuỗi giá trị, lấy hợp tác xã làm đầu mối cung ứng vật tư, hướng dẫn kỹ thuật và kết nối tiêu thụ sản phẩm cho hộ nghèo.

- Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, kết hợp giữa các chương trình mục tiêu quốc gia, nguồn tín dụng ưu đãi và nguồn lực xã hội hóa để hỗ trợ sinh kế bền vững.

- Công tác theo dõi và đánh giá kết quả giảm nghèo, thường xuyên kiểm tra, đánh giá hiệu quả các mô hình sinh kế, kịp thời điều chỉnh và nhân rộng những mô hình hiệu quả.

## **2. Giải pháp giai đoạn 2026 - 2030**

- Tiếp tục nâng cao vai trò, trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, nhất là trách nhiệm của người đứng đầu trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo và thực hiện giảm nghèo bền vững; huy động sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, nâng cao trách nhiệm, sự gương mẫu của đội ngũ cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên trong triển khai thực hiện. Phát huy vai trò của Ban chỉ đạo các cấp trong chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện Kế hoạch giai đoạn 2026 - 2030, bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ, hiệu quả từ cấp tỉnh đến cơ sở; nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác phối hợp của các cấp, các ngành trong thực hiện giảm nghèo bền vững.

- Xác định rõ mục tiêu và lộ trình thực hiện Kế hoạch giai đoạn 2026 - 2030 và hàng năm trên địa bàn tỉnh; bảo đảm triển khai đồng bộ, thống nhất, hiệu quả và đạt chất lượng theo yêu cầu, qua đó, phấn đấu hoàn thành mục tiêu đã đề ra.

- Tập trung thực hiện các giải pháp giảm nghèo theo ba nhóm đối tượng: Nhóm hộ nghèo thiếu sinh kế và việc làm: hỗ trợ phát triển sản xuất, đào tạo nghề và tạo việc làm; Nhóm hộ nghèo thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản: hỗ trợ tiếp cận giáo dục, y tế, nhà ở, nước sạch và thông tin; Nhóm hộ nghèo không còn khả năng lao động: thực hiện chính sách bảo trợ xã hội và hỗ trợ an sinh lâu dài.

- Đẩy mạnh công tác truyền thông với nội dung thiết thực, hình thức phong phú, đa dạng, phù hợp từng nhóm đối tượng; tổ chức đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức nhằm nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ phụ trách các cấp và nhận thức của cộng đồng dân cư về giảm nghèo bền vững. Đồng thời tăng cường giới thiệu, chia sẻ các dự án, mô hình, sáng kiến hiệu quả, cách làm hay, các tập thể và cá nhân điển hình tiên tiến, gương mẫu để vươn lên thoát nghèo, góp phần lan tỏa tinh thần chủ động, sáng tạo và tự lực trong cộng đồng.

- Triển khai đồng bộ các giải pháp giảm nghèo bền vững theo hướng tiếp cận đa chiều, liên ngành, tập trung phát triển sinh kế, nâng cao năng lực tự chủ, tự vươn lên của người nghèo; bảo đảm kết quả giảm nghèo thực chất, không để tái nghèo, góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân và phát triển toàn diện khu vực nông thôn.

- Chuyển mạnh cách tiếp cận từ “hỗ trợ hộ nghèo sản xuất” sang “tổ chức sinh kế có thị trường cho hộ nghèo”; mọi mô hình hỗ trợ phải gắn với nhu cầu thị trường, có tổ chức đứng ra liên kết tiêu thụ, bảo đảm sản phẩm làm ra có nơi thu mua và tạo thu nhập thực chất cho người dân.

- Tập trung tổ chức các mô hình sinh kế theo chuỗi giá trị, gắn với hợp tác xã, tổ hợp tác và doanh nghiệp tiêu thụ; khuyến khích hộ nghèo tham gia sản xuất theo nhóm hộ để tạo quy mô, nâng cao hiệu quả kinh tế. Đồng thời kết hợp đồng

bộ giữa hỗ trợ sinh kế, tín dụng ưu đãi, đào tạo kỹ năng và hướng dẫn sản xuất, qua đó từng bước giúp hộ nghèo tăng thu nhập và thoát nghèo bền vững.

- Thường xuyên tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá việc triển khai thực hiện công tác giảm nghèo tại địa phương nhằm kịp thời nắm bắt khó khăn, vướng mắc, phát hiện những bất cập trong quá trình thực hiện để có giải pháp tháo gỡ phù hợp; chú trọng quản lý chặt chẽ việc sử dụng hiệu quả các nguồn lực.

## **VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Sở Nông nghiệp và Môi trường**

- Phát huy vai trò đầu mối cơ quan thường trực tổng hợp, tham mưu, giúp việc Ủy ban nhân dân tỉnh trong điều phối, tổ chức triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (gọi tắt là Chương trình) trong giai đoạn 2026 - 2030 theo quy định của Trung ương, bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ, hiệu quả trong chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện Chương trình từ cấp tỉnh đến cơ sở.

- Thực hiện việc rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm theo quy định, xây dựng kế hoạch giảm nghèo hàng năm, đảm bảo đến cuối năm 2030 tỉnh Đồng Tháp không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2026 - 2030.

- Tham mưu đề xuất giao chỉ tiêu giảm nghèo hàng năm; xác định rõ mục tiêu, chỉ tiêu và lộ trình giảm nghèo hàng năm trên địa bàn tỉnh; bảo đảm triển khai đồng bộ, thống nhất, hiệu quả và đạt chất lượng theo yêu cầu; qua đó, phấn đấu hoàn thành toàn diện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình trong giai đoạn 2026 - 2030.

- Đẩy mạnh công tác truyền thông với nội dung thiết thực, hình thức phong phú, đa dạng, phù hợp từng nhóm đối tượng; tập trung tổ chức đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về công tác giảm nghèo nhằm nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ phụ trách các cấp và nhận thức của cộng đồng dân cư. Đồng thời tăng cường giới thiệu, chia sẻ các mô hình hay, sáng kiến hiệu quả, các tập thể và cá nhân điển hình tiên tiến, gương mẫu vươn lên thoát nghèo, góp phần lan tỏa tinh thần chủ động, sáng tạo và tự lực trong cộng đồng.

- Xây dựng và triển khai kế hoạch rà soát hộ nghèo hằng năm của tỉnh đúng theo quy định; tập trung thực hiện công tác tập huấn công tác rà soát hộ nghèo cho địa phương.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành tỉnh có liên quan, các tổ chức chính trị - xã hội và Ủy ban nhân dân các xã, phường triển khai thực hiện tốt các chính sách, dự án, mô hình hỗ trợ giảm nghèo bền vững theo quy định.

- Chủ trì, hướng dẫn, tổ chức thực hiện các hoạt động thuộc ngành thực hiện.

- Tổ chức thực hiện các hoạt động truyền thông, nâng cao năng lực giảm nghèo, giám sát đánh giá Chương trình.

## **2. Sở Tài chính**

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ ngân sách trung ương hỗ trợ cho công tác giảm nghèo hàng năm theo tiến độ và kế hoạch phân bổ vốn đầu tư phát triển từ ngân sách trung ương giao cho tỉnh; bố trí kinh phí chi thường xuyên thực hiện Kế hoạch theo quy định về phân cấp quản lý ngân sách nhà nước hiện hành.

- Phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân các xã, phường đề xuất thực hiện lồng ghép đầu tư cho công tác giảm nghèo bền vững của tỉnh; phối hợp kiểm tra, giám sát và báo cáo kết quả việc sử dụng kinh phí của Kế hoạch theo quy định.

## **3. Sở Y tế**

Chủ trì, phối hợp với các sở ngành tỉnh có liên quan tổ chức triển khai các nội dung nhằm cải thiện tình trạng suy dinh dưỡng và giảm suy dinh dưỡng thấp còi, chăm sóc sức khỏe, nâng cao thể trạng và tầm vóc của trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo; tham mưu đề xuất và triển khai các chính sách về bảo hiểm y tế và an sinh xã hội cho hộ nghèo, hộ cận nghèo.

## **4. Sở Giáo dục và Đào tạo**

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện các nội dung về phát triển giáo dục nghề nghiệp, hỗ trợ đào tạo nghề cho người nghèo nhằm tạo việc làm, sinh kế bền vững, tăng thu nhập cho người dân.

- Chủ trì phối hợp với các địa phương thực hiện một số nội dung của Chương trình nhằm nâng cao tỷ lệ trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo đi học đúng độ tuổi, đúng cấp học và triển khai thực hiện chính sách miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập học sinh thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo.

## **5. Sở Nội vụ**

Chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành tỉnh có liên quan và Ủy ban nhân dân các xã, phường cung cấp thông tin thị trường lao động, đa dạng hóa các hoạt động giao dịch việc làm, kết nối cung cầu lao động, thực hiện hỗ trợ việc làm bền vững cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

## **6. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch**

Chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành tỉnh có liên quan và Ủy ban nhân dân các xã, phường hướng dẫn, nâng cao năng lực, hiệu quả của hệ thống thông tin cơ sở, đảm bảo 100% xã có hệ thống đài truyền thanh hoạt động, phục vụ tốt cho công tác thông tin, tuyên truyền và quản lý, điều hành tại địa phương.

## **7. Sở Tư pháp**

Triển khai thực hiện các chính sách trợ giúp pháp lý cho hộ nghèo, nâng cao chất lượng trợ giúp theo từng vụ việc và tăng cường truyền thông về trợ giúp pháp lý ở cơ sở, nơi có tỷ lệ hộ nghèo, người nghèo cao.

## **8. Sở Xây dựng**

Phối hợp với các sở, ngành tỉnh có liên quan và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo có nhà ở kiên cố, ổn định có khả năng chống chịu tác động của thiên tai, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống và giảm nghèo bền vững.

## **9. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh**

- Chủ trì, phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội và các ngành có liên quan xây dựng kế hoạch, nội dung giám sát và phản biện xã hội đối với việc triển khai thực hiện Chương trình; phối hợp với Ngân hàng Chính sách xã hội Chi nhánh tỉnh Đồng Tháp hỗ trợ tín dụng ưu đãi cho hộ nghèo phát triển sản xuất, tham gia xây dựng các mô hình sinh kế giảm nghèo bền vững ở địa phương và các hoạt động an sinh xã hội của các đơn vị dành cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ khó khăn.

- Vận động các đơn vị, tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp tham gia ủng hộ giúp đỡ người nghèo qua Quỹ “Vì người nghèo” và thực hiện các chương trình an sinh xã hội.

## **10. Ngân hàng Chính sách xã hội Chi nhánh tỉnh Đồng Tháp**

Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức chính trị - xã hội thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi cho hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng chính sách khác để phát triển sản xuất, kinh doanh, tham gia mô hình hỗ trợ sinh kế giảm nghèo, tham gia đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, xây nhà ở, vay vốn học tập,... tạo điều kiện cho người thuộc hộ nghèo nâng cao thu nhập, cải thiện mức sống, vươn lên thoát nghèo.

## **11. Bảo hiểm xã hội tỉnh Đồng Tháp**

Chỉ đạo và hướng dẫn Bảo hiểm xã hội cơ sở phối hợp với Ủy ban nhân dân các xã, phường thực hiện cấp thẻ bảo hiểm y tế cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình đảm bảo kịp thời, tránh trùng lặp đối tượng.

## **12. Báo và Phát thanh, truyền hình Đồng Tháp**

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, phối hợp với đơn vị liên quan tổ chức thực hiện công tác truyền thông về giảm nghèo bền vững trên các chuyên trang, chuyên mục; kịp thời thông tin, tuyên truyền những cách làm hay, những mô hình kinh tế hiệu quả; biểu dương đối với các tập thể, cá nhân tiêu biểu; đồng thời, phản ánh những thuận lợi, khó khăn, những vấn đề thời sự liên quan đến việc thực hiện giảm nghèo trên địa bàn tỉnh.

## **13. Ủy ban nhân dân các xã, phường**

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện kịp thời, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm để thực hiện công tác giảm nghèo trên địa bàn các xã, phường.

- Củng cố, kiện toàn Ban Chỉ đạo Chương trình giảm nghèo, phân công

nhệm vụ, nâng cao trách nhiệm của từng thành viên, bảo đảm quản lý, chỉ đạo thực hiện công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm tại địa phương để đạt mục tiêu giảm hộ nghèo theo chỉ tiêu Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

- Tranh thủ, tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy, chính quyền, sự phối hợp của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp và các tổ chức chính trị - xã hội trong phát triển kinh tế - xã hội, gắn với giảm nghèo, đảm bảo an sinh xã hội. Phát huy vai trò của các tổ chức chính trị xã hội; giao chỉ tiêu theo dõi hỗ trợ hộ thoát nghèo, thoát cận nghèo bền vững.

- Triển khai thực hiện, theo dõi, chỉ đạo, đôn đốc quá trình triển khai, tiến độ giải ngân các nguồn vốn Dự án, Tiểu Dự án thuộc Chương trình theo quy định.

- Tăng cường thực hiện các hoạt động tuyên truyền, truyền thông và rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo cuối năm.

## VIII. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Trên cơ sở các nội dung chủ yếu tại kế hoạch này và căn cứ chức năng, nhiệm vụ được phân công, Thủ trưởng các sở, ngành, cơ quan cấp tỉnh có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Kế hoạch giai đoạn 2026 - 2030 và năm 2026 phù hợp với tình hình, điều kiện cụ thể của ngành, địa phương; đồng thời, định kỳ hàng quý (*trước ngày 14 tháng cuối quý*), 06 tháng (*trước ngày 14/6*), hàng năm (*trước ngày 14/12*), rà soát, báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc khi có yêu cầu báo cáo đột xuất.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc phát sinh, đề nghị các đơn vị chủ động báo cáo, gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường (*cơ quan Thường trực Chương trình*) để tổng hợp, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo./.

### **Nơi nhận:**

- Bộ NN&MT (*báo cáo*);
- Thường trực Tỉnh ủy (*báo cáo*);
- Ủy ban MTTQ VN tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh (*báo cáo*);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành tỉnh;
- Các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh;
- Báo và phát thanh, truyền hình Đồng Tháp;
- UBND các xã, phường;
- Lưu: VT, P. KT(NTB).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Huỳnh Minh Tuấn**